

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng
2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Kim L, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 210, Phường Khắc K, tổ 56, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Phạm Hữu Th, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 210, Phường Khắc Kh, tổ 56, khóm Mỹ T, phường Mỹ P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn năm 1983, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian hơn 01 năm vợ chồng sống chung hạnh phúc, vào năm 1985 tình cảm ông T phai nhạt và ông T tự bỏ nhà đi đến nay không rõ đi đâu. Tòa án đã tuyên bố mất tích đối với ông T. Do mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có một con chung tên Phạm Phú L, sinh năm 1984, hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Phạm Hữu T: Tòa án thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Hữu T nhưng ông T không có văn bản ghi ý kiến trả lời gửi (nộp) cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kim L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Phạm Hữu T có địa chỉ tại phường Mỹ P, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Hữu T đến phiên tòa nhưng ông Phạm Hữu T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào **điểm b Khoản 2 Điều 227** của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Hữu T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn vào năm 1983, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 mặc dù bà L và ông T không đăng ký kết hôn nhưng bà L, ông T sống chung với nhau trước ngày 03/01/1987 thì vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân. Nay bà L yêu cầu xin ly hôn với ông T, Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết theo thủ tục chung.

Bà L cho rằng vợ chồng sống chung hạnh phúc được một năm, đến năm 1985 ông T bỏ đi đến nay, không liên lạc được với ông T và không biết ông T ở đâu.

Bà L đã làm đơn yêu cầu Tòa án thành phố Cao Lãnh giải quyết việc dân sự về tuyên bố một người mất tích đối với ông Phạm Hữu T. Ngày 22/3/2018 Tòa án thành phố Cao Lãnh ban hành Quyết định số 06/2018/QĐST-VDS quyết định chấp nhận tuyên bố mất tích đối với ông Phạm Hữu T, sinh năm 1956 theo yêu cầu của bà Nguyễn Kim L.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Mỹ Phú xác định: Đương sự Phạm Hữu T, sinh năm 1956 từ ngày 22/3/2018 đến nay không có mặt tại địa phương và không có đăng ký hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại địa phương.

Do ông T bị Tòa án tuyên bố mất tích nên theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của bà L. Bà L được ly hôn với ông T.

[4] Về nuôi con chung: Bà L và ông T có một con chung tên Phạm Phúc L, sinh năm 1984, hiện con chung đã trưởng thành. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, bà L thừa nhận bà và ông T có một con chung tên Phạm Phú L, sinh năm 1984 và căn cứ vào giấy khai sinh của Phạm Phú L do bà L xuất trình thể hiện họ tên cha là Phạm Hữu T, họ tên mẹ là Nguyễn Kim L là phù hợp với lời trình bày của bà L. Con chung đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung và ông T không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nợ chung và ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Kim L. Bà Nguyễn Kim L được ly hôn với ông Phạm Hữu T.

Về con chung: Bà L và ông T có một con chung tên Phạm Phú L, sinh năm 1984, đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng phí theo Biên lai thu số 04859 ngày 19/4/2018 tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Bà L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Oanh